TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:175/2023/DS - ST
Ngày: 26/9/2023
V/v tranh chấp "Hợp đồng thẻ tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: ***Bà Vũ Kim Liên***
Các Hội thẩm nhân dân:
1. **Ông Lâm Văn Vô**
2. **Bà Trần Nguyệt Mai**

-Thư ký phiên toà **: Bà Hoàng Thị Cẩm Vân** – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 5

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phạm Tuân – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2023/TLST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2023 về việc" Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:167/2023/QĐXX-DS ngày 18 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 100/2023/QĐST-DS ngày 07 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S.G.T.T

Trụ sở: 266-268 N.K.K.N, phường V.T.S, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D –Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH MTV quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng thương mại cổ phần S.G.T.T

Trụ sở: 278 N.K.K.N, phường V.T.S, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Trường T, sinh năm 1994- Nhân viên công ty (vắng mặt)

Bị đơn: Bà Lê Nguyễn Thanh N, sinh năm 1998 (vắng mặt)

Địa chỉ: 8.2 lầu 8 Chung cư N.B, Phường A, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/02/2023 và quá trình giải quyết vụ án ông Phạm Trường T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 17/01/2020 Ngân hàng Thương mại cổ phần S.G.T.T(gọi tắt là ngân hàng) và bà Lê Nguyễn Thanh N có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng(bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, các tài liệu này gọi chung là Hợp đồng), với hạn mức sử dụng thẻ là 13.000.000đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, số thẻ 526830-7772, lãi suất là 2,6%/tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng bà N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 22.413.191 đồng. Từ ngày kích hoạt thẻ cho đến nay bà N đã thanh

toán cho ngân hàng tổng số tiền là 15.071.700 đồng. Tổng số tiền thanh toán được áp dụng theo điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng.

Do bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngày 23/9/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, dư nợ tại thời điểm này là 14.747.377 đồng làm nợ gốc, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Tính đến ngày 08/8/2023 bà N còn nợ các khoản sau: nợ gốc là 14.747.377 đồng, nợ lãi quá hạn là 13.132.820 đồng, tổng cộng là 27.880.197 đồng.

Ngân hàng yêu cầu bà N phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 08/8/2023 tổng cộng là 27.880.197 đồng. Bà N còn phải thanh toán khoản lãi phát sinh tính từ ngày 09/8/2023 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Bị đơn bà Lê Nguyễn Thanh N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng không đến tòa án làm việc nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc bà Lê Nguyễn Thanh N phải thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 26/9/2023 là 28.819.625 đồng, trong đó nợ gốc là 14.747.377 đồng, nợ lãi quá hạn là 14.072.248 đồng.

Ngoài ra, bà N còn có trách nhiệm thanh toán tiếp khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 27/9/2023 cho đến khi bà N trả hết nợ theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng.

Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến trình bày

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận 5 phát biểu:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp. Những người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của pháp luật.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ các bản tự khai của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cùng với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định pháp luật và các điều khoản, điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về việc "Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng", do bị đơn bà Lê Nguyễn Thanh N có địa chỉ nơi cư trú tại Quận 5 nên vụ án thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 5, theo quy định tại khoản 3 điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét bị đơn bà Lê Nguyễn Thanh N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng bà N vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà N.

*Về nội dung:

[1] Về yêu cầu đương sự:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 17/01/2020 Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng thanh toán quốc tế cho bà Lê Nguyễn Thanh N, hạn mức tín dụng là 13.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất áp dụng cho loại thẻ Mastercard Gold Vật lý là 2,6%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Sau khi được cấp thẻ tín dụng bà N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 22.413.191đồng, đã thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền là 15.071.700 đồng. Do bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 23/9/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, dư nợ tại thời điểm này là 14.747.377 đồng làm nợ gốc.

Tính đến ngày xét xử 26/9/2023 bà N còn nợ ngân hàng tổng cộng là 28.819.625 đồng. Ngân hàng yêu cầu bà Lê Nguyễn Thanh N phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 28.819.625 đồng, trong đó nợ gốc là 14.747.377 đồng, nợ lãi quá hạn là 14.072.248 đồng. Bà N còn phải thanh toán khoản lãi phát sinh tính từ ngày 27/9/2023 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Căn cứ vào bảng kê chi tiết giao dịch của khách hàng, bảng tóm tắt sao kê và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy, có đủ cơ sở để chứng minh bà N đã được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng nêu trên, số tiền bà N thực hiện các giao dịch, số tiền đã thanh toán, bà N hiện còn nợ ngân hàng số tiền nợ gốc là 14.747.377 đồng.

Do đó, nguyên đơn yêu cầu bà N trả số nợ gốc trên là có căn cứ, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[2] Về lãi suất: Căn cứ quyết định số 2399/2019/QĐ-TTT ngày 06/8/2019 của Ngân hàng về việc ban hành biểu phí dịch vụ S phát hành tại Việt Nam quy định mức lãi suất áp dụng đối với thẻ tín dụng trên là 2,6%/tháng, lãi quá hạn tính bằng 150% lãi suất trong hạn(3,9%/tháng).

Xét thấy, mức lãi suất trên do các bên tự nguyện thỏa thuận tại điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng phù hợp với quy định của pháp luật. Việc Ngân hàng áp dụng mức lãi suất trên có cơ sở để chấp nhận. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bà N trả số nợ lãi quá hạn số tiền 14.072.248 đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Như vậy tổng số tiền bà N có nghĩa vụ phải thanh toán cho Ngân hàng, gồm nợ gốc và nợ lãi quá hạn, tổng cộng là 28.819.625 đồng. Bà N còn nghĩa vụ thanh toán

tiếp khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 27/9/2023 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, để làm rõ khoản nợ nêu trên Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bà N đến tòa để trình bày ý kiến của mình nhưng bà N vẫn vắng mặt xem như đã từ bỏ quyền cung cấp chứng cứ, quyền tự bảo vệ lợi ích của mình trước tòa.

[3] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 tại phiên tòa là phù hợp với phần nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Lê Nguyễn Thanh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.440.981đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.G.T.T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 591.080 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYEÁT ÑÒNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án.

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.G.T.T.

- Buộc bà Lê Nguyễn Thanh N phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.G.T.T số tiền nợ của thẻ tín dụng là 28.819.625 đồng(hai mươi tám triệu tám trăm mười chín ngàn sáu trăm hai mươi lăm đồng), trong đó nợ gốc là 14.747.377 đồng(mười bốn triệu bảy trăm bốn mươi bảy ngàn ba trăm bảy mươi bảy đồng), nợ lãi quá hạn là 14.072.248 đồng(mười bốn triệu không trăm bảy mươi hai ngàn hai trăm bốn mươi tám đồng).(Theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 17/01/2020; số thẻ 526830-7772).

Thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà N phải tiếp tục

thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Nguyễn Thanh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.440.981đồng(một triệu bốn trăm bốn mươi ngàn chín trăm tám mươi mốt đồng)

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.G.T.T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 591.080 đồng(năm trăm chín mươi mốt ngàn không trăm tám mươi đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021-0010513 ngày 14/3/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

4.Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND TPHCM*
- *VKSQ5*
- *Chi cục THADSQ5*
- *Đương sự*
- *Lưu VP, HS*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Kim Liên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Kim Liên